

Số: 41 /2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 20 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của liên Sở: Tài chính – Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế tại Tờ trình số 5704/TTr-LS ngày 24 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên (theo Phụ lục đính kèm).

2. Các nội dung khác không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo Luật Thuế tài nguyên năm 2009 của Quốc hội khóa XII; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa XII; Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Các loại tài nguyên khác nếu có phát sinh trên địa bàn tỉnh nhưng không có trong Bảng giá quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thì áp dụng mức giá trung bình của khung giá theo quy định tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI kèm theo Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau.

Điều 2. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên

1. Giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động lớn: Tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành.

2. Phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên.

Điều 3. Giao trách nhiệm

Giao Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo dõi giá bán các loại tài nguyên khoáng sản trên thị trường; trường hợp giá các loại tài nguyên khoáng sản có biến động lớn so với giá tính thuế tài nguyên quy định tại Điều 1 với mức biến động quy định khoản 1 Điều 2 Quyết định này thì thông báo cho Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính trước khi quyết định ban hành văn bản điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

1. Sở Tài chính:

Đối với trường hợp giá tài nguyên biến động lớn phải điều chỉnh ngoài

Khung giá tính thuế tài nguyên, trong thời gian 30 ngày, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính trước khi quyết định ban hành văn bản điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Đối với loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ giá giao dịch phổ biến trên thị trường hoặc giá bán tài nguyên đó trên thị trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định bổ sung Bảng giá tính thuế đối với loại tài nguyên này.

Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin đối với các trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 và gửi văn bản về Bộ Tài chính để làm căn cứ điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có phát sinh các trường hợp điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên.

2. Cục Thuế tỉnh:

a) Triển khai Quyết định này đến các Chi Cục thuế các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện.

b) Phối hợp Sở Tài chính điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên trong trường hợp có biến động lớn hoặc phát sinh loại tài nguyên mới.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Rà soát danh mục tài nguyên, phối hợp Sở Tài chính điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên trong trường hợp có biến động lớn hoặc phát sinh loại tài nguyên mới.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 72/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 về việc điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên đối với sa khoáng titan chưa qua tuyển tách trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc quy định tạm thời giá tính thuế tài nguyên đối với cát nhiễm mặn trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 về việc quy định tạm thời giá tính thuế tài nguyên đối với nước khoáng nóng thiên nhiên phục vụ sản xuất, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính,

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Mặt trận và các đoàn thể;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như điều 5;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Chánh, các PVP.UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, TH Hùng b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai